CÔNG TY CỔ PHẦN **BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY** ***WESTERN – SAIGON BEER*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness***
Số/No.: 166./2026/WSB *(Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng bán niên 2026 đã soát xét)* *(Information disclosure of Reviewed Separate Financial Statements for the first 6 months of 2026)*	*Cần Thơ, ngày 17 tháng 08 năm 2026* *Can Tho, August 17, 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY, L=Quận Bình Thủy, ST=CẦN THƠ, UID=MST:1800586579
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.17 09:41:39+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.2

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**
*To: **Hanoi Stock Exchange (HNX)***

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng bán niên năm 2026 đã soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose information of Reviewed Separate Financial Statements for the first 6 months of 2026 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. **Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**
   Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company
   - Mã chứng khoán: WSB
     Stock code: WSB
   - Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Thới An Đông, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
     Address: Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam
   - Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
   - Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn
2. **Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure*:**
   - **BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét / *The Reviewed Separate Financial Statements for the first 6 months of 2026***

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases in which the cause must be explained:

+ Tổ chức soát xét đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên được soát xét năm 2026):

The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (For the Reviewed 2026 semi-annual financial statements)

☐ Có/ *Yes* ☒ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration*:

☐ Có/ *Yes* ☒ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên được soát xét năm 2026):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (For the Reviewed 2026 semi-annual financial statements)

☐ Có/ *Yes* ☒ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration*:

☐ Có/ *Yes* ☒ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year

☒ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration*:

☒ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

☐ Có/*Yes* ☒ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration*:

☐ Có/*Yes* ☒ Không/*No*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/08/2026 tại đường dẫn: http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html.

This information was published on the company's website on August 17, 2026 at the link: http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html.

Đại diện tổ chức/*Representative*
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét / *The Reviewed Separate Financial Statements for the first 6 months of 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

Lê Đăng Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN **BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY** ***WESTERN – SAIGON BEER*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness***
Số/No.: 168/2026/WSB *Giải trình Báo cáo tài chính riêng bán niên 2026 đã soát xét* *Explanation of the Reviewed Separate Financial Statements for the first 6 months of 2026*	*Cần Thơ, ngày 17 tháng 08 năm 2026* *Can Tho, August 17 2026*

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

*To: **Hanoi Stock Exchange (HNX)***

– Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company

– Mã chứng khoán: WSB

Stock code: WSB

– Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Thới An Đông, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Address: Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam

– Điện thoại/*Tel*: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222

– Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây giải trình Báo cáo tài chính riêng bán niên 2026 đã soát xét như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No.96/2020/TT-BTC guiding information disclosure on the stock market. Western - Saigon Beer Joint Stock Company explained the Reviewed Separate Financial Statements for the first 6 months of 2026 as follows:

Giải trình chênh lệch: lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 đã soát xét so với cùng kỳ tăng vì:

- Doanh thu tài chính tăng do lãi tiền gửi và lợi nhuận từ công ty con chuyển về tăng;
- Giá nguyên liệu đầu vào tốt hơn làm giá vốn hàng bán tốt hơn.

Explanation of the variance: Profit after tax of the Reviewed Separate Financial Statements for the first 6 months of 2026 increased compared to the same period last year, primarily due to:

- Financial income increased due to higher interest income on deposits and higher profit distribution from subsidiaries.;

- Decrease in raw material prices led to a reduction in the Cost of Goods Sold.

Đại diện tổ chức/*Representative*
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization

Nơi nhận/*Recipients:*
- Như trên/*As above;*
- Lưu: Văn thư/*Save at the Office.*



Lê Đăng Khoa

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	5703000144 1800586579	ngày 13 tháng 4 năm 2005 ngày 29 tháng 8 năm 2025
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 29 tháng 8 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Tan Teck Chuan Lester Ông Trần Nguyên Trung Ông Phạm Đình Hùng Bà Nguyễn Thị Kim Cúc Bà Phạm Thị Thanh Thùy	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Lê Đăng Khoa Ông Lê Thành Phúc	Giám đốc Phó Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Đoàn Tiến Dũng Bà Trần Thị Loan Anh Ông Nguyễn Văn Doanh	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Người đại diện theo pháp luật	Ông Tan Teck Chuan Lester Ông Lê Đăng Khoa	
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Trà Nóc Phường Thới An Đông Thành phố Cần Thơ Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

M.S.D.N: 1800566579 - C.T.C.P * P. THỚI AN ĐÔNG - TP. CẦN THƠ * CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

Lê Đăng Khoa
Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.*

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 26-01-00400-26-1

Trieu Tich Quyen
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	**100**		**445.583.532.651**	**404.063.845.211**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**242.392.883**	**84.151.161**
Tiền	111	9	242.392.883	84.151.161
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**386.350.919.479**	**324.051.184.658**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	386.350.919.479	324.051.184.658
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**39.954.610.044**	**58.919.472.549**
Phải thu của khách hàng	131	11	15.392.186.805	24.634.594.128
Trả trước cho người bán	132		85.800.000	781.269.066
Phải thu ngắn hạn khác	135	12	24.476.623.239	33.503.609.355
Hàng tồn kho	**140**	**13**	**18.257.687.276**	**20.416.096.018**
Hàng tồn kho	141		19.437.811.157	21.160.435.774
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.180.123.881)	(744.339.756)
Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**777.922.969**	**592.940.825**
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		777.922.969	592.940.825

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	**200**		**325.737.621.532**	**361.795.523.303**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**6.000.000**
Phải thu dài hạn khác	215		-	6.000.000
Tài sản cố định	**220**		**72.254.796.392**	**86.396.491.828**
Tài sản cố định hữu hình	221	14	72.254.796.392	86.396.491.828
Nguyên giá	*222*		*541.413.813.501*	*539.645.559.566*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(469.159.017.109)*	*(453.249.067.738)*
Bất động sản đầu tư	**240**	**15**	**1.872.193.610**	**1.952.430.476**
Nguyên giá	*241*		*4.011.843.370*	*4.011.843.370*
Giá trị hao mòn lũy kế	*242*		*(2.139.649.760)*	*(2.059.412.894)*
Tài sản dở dang dài hạn	**250**		**-**	**1.145.033.803**
Xây dựng cơ bản dở dang	252	16	-	1.145.033.803
Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		**232.415.245.456**	**257.536.004.989**
Đầu tư vào công ty con	261	10(c)	200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	262	10(c)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10(c)	13.980.715.400	13.980.715.400
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	10(c)	(2.380.154.876)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265	10(b)	13.814.684.932	36.555.289.589
Tài sản dài hạn khác	**270**		**19.195.386.074**	**14.759.562.207**
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	17	17.590.249.412	12.871.129.083
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		1.605.136.662	1.888.433.124
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**771.321.154.183**	**765.859.368.514**

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**45.458.252.542**	**50.442.457.834**
Nợ ngắn hạn	**310**		**42.420.481.011**	**47.302.249.083**
Phải trả người bán	311	18	1.639.196.015	3.053.465.024
Người mua trả tiền trước	312		6.360.294	5.880.294
Phải trả cổ tức	313	19	6.174.452.808	5.771.602.808
Thuế phải nộp Nhà nước	314	20	19.123.282.598	21.490.173.455
Phải trả người lao động	315		1.003.513.590	1.896.980.255
Chi phí phải trả	316	21	5.444.325.538	4.652.745.126
Phải trả ngắn hạn khác	320		3.324.489.707	3.681.201.895
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	22	5.704.860.461	6.750.200.226
Nợ dài hạn	**330**		**3.037.771.531**	**3.140.208.751**
Phải trả dài hạn khác	338		52.500.000	52.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	343	23	2.985.271.531	3.087.708.751
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**24**	**725.862.901.641**	**715.416.910.680**
Vốn cổ phần	411	25	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*145.000.000.000*	*145.000.000.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		403.151.454.687	392.705.463.726
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	*420a*		*349.900.393.262*	*330.182.475.582*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	*420b*		*53.251.061.425*	*62.522.988.144*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**771.321.154.183**	**765.859.368.514**

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Dương Thị Thúy Hồng	Trương Thị Mỹ Hồng	Lê Đăng Khoa
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật*

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu	**01**	**29**	**89.091.743.205**	**90.575.478.750**
Giá vốn hàng bán	**11**	**30**	**76.877.734.914**	**83.225.548.416**
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	**20**		**12.214.008.291**	**7.349.930.334**
Doanh thu hoạt động tài chính	22	31	55.850.650.482	48.927.992.060
Chi phí tài chính	23		2.380.154.876	-
Chi phí bán hàng	25		322.408.002	300.294.650
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	6.231.346.379	6.207.534.636
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26)}	**30**		**59.130.749.516**	**49.770.093.108**
Thu nhập khác	31		20.634.047	220.929.248
Chi phí khác	32		8.697.449	-
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**11.936.598**	**220.929.248**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**59.142.686.114**	**49.991.022.356**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**34**	**3.232.105.368**	**1.755.047.423**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**34**	**283.296.462**	**326.761.351**
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**55.627.284.284**	**47.909.213.582**

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Dương Thị Thúy Hồng	Trương Thị Mỹ Hồng	Lê Đăng Khoa
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**59.142.686.114**	**49.991.022.356**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		16.569.840.626	17.857.643.419
Các khoản dự phòng	03		2.815.939.001	(3.554.649)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(11.503.354.343)	(8.879.613.583)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(4.875.721)	(198.935.780)
Thu nhập từ lợi nhuận được chia và cổ tức	05		(44.347.296.139)	(40.048.378.477)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**22.672.939.538**	**18.718.183.286**
Biến động các khoản phải thu	09		9.677.161.000	6.349.090.552
Biến động hàng tồn kho	10		1.722.624.617	9.540.576.797
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.287.885.303)	7.019.541.569
Biến động chi phí chờ phân bổ	12		(5.058.917.796)	329.129.677
			25.725.922.056	**41.956.521.881**
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.391.453.911)	(1.719.877.593)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.552.347.449)	(3.914.930.531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**19.782.120.696**	**36.321.713.757**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.964.156.518)	(7.563.112.314)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		4.875.721	210.853.343
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(189.620.000.000)	(162.280.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		153.180.000.000	147.380.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27		61.872.551.823	29.083.926.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**23.473.271.026**	**6.831.667.030**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(43.097.150.000)	(43.106.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(43.097.150.000)**	**(43.106.750.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**158.241.722**	**46.630.787**
Tiền đầu kỳ	**60**		**84.151.161**	**50.972.574**
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	**70**	**9**	**242.392.883**	**97.603.361**

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Dương Thị Thúy Hồng	Trương Thị Mỹ Hồng	Lê Đăng Khoa
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát và để xuất khẩu; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 105 nhân viên (1/1/2026: 104 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(k)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất, ngoại trừ các khoản được trình bày tại Thuyết minh số 3.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản lãi phải thu liên quan. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu này được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác (Thuyết minh số 4(d)).

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

	Tỷ lệ dự phòng
Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như được đề cập tại Thuyết minh số 4(c)(i), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	8 – 25 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai và két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VNĐ và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh số 4(k)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác.

(k) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của cổ đông được xác lập và nghĩa vụ chi trả cổ tức của Công ty không còn phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào.

Như được đề cập tại Thuyết minh số 4(j), từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(q) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, thì các chi phí này phải được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban lãnh đạo đánh giá rằng các lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

9. Tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng	242.392.883	84.151.161

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	109.289.284.821	91.090.123.178
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn	103.199.974.274	69.140.859.508
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	82.628.093.262	61.829.524.439
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2	58.315.141.917	101.990.677.533
Khác	32.918.425.205	-
	386.350.919.479	324.051.184.658

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 8,1% một năm (1/1/2026: 5,0% đến 6,7% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Cần Thơ	9.414.684.932	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	4.400.000.000	33.355.013.425
Khác	-	3.200.276.164
	13.814.684.932	36.555.289.589

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 8,0% một năm (1/1/2026: 6,7% đến 7,2% một năm).

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2026					1/1/2026				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:										
Công ty con										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20%	7.000.000.000	-	12.350.738.400	2.402.400	20%	7.000.000.000	-	17.161.144.000
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	(2.380.154.876)	11.600.560.524	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			220.980.715.400	(2.380.154.876)				220.980.715.400	-	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026 được xác định dựa trên giá niêm yết.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	14.806.627.836	22.405.191.072
Các khách hàng khác	585.558.969	2.229.403.056
	15.392.186.805	24.634.594.128

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	14.806.627.836	22.405.191.072
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	199.453.928	369.765.795
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	21.972.099	10.491.521
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	1.425.971.976

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi được khi có yêu cầu.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải thu về lợi nhuận được phân phối và cổ tức được chia	24.347.296.139	33.488.330.510
Phải thu khác	129.327.100	15.278.845
	24.476.623.239	33.503.609.355

13. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	122.200.000	-
Nguyên vật liệu	7.460.351.899	-	9.160.779.469	-
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.373.535.574	(1.180.123.881)	2.935.259.384	(744.339.756)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.612.661.235	-	7.315.483.499	-
Sản phẩm	2.991.262.449	-	1.626.713.422	-
	19.437.811.157	(1.180.123.881)	21.160.435.774	(744.339.756)

Nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc thù của từng hoạt động kinh doanh (bao gồm, nhưng không giới hạn như sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy hoạt động, v.v.), nhằm đảm bảo việc xác định giá thành sản phẩm một cách hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ, Công ty đã xác định một số mặt hàng tồn kho có dấu hiệu chậm luân chuyển và quyết định trích lập dự phòng cho hàng tồn kho này theo các quy định hiện hành và các chính sách nội bộ được áp dụng.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 1.180 triệu VND (1/1/2026: 744 triệu VND) phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	744.339.756	740.495.565
Dự phòng trích lập trong kỳ	755.050.443	224.670.802
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(319.266.318)	(228.225.451)
Số dư cuối kỳ	1.180.123.881	736.940.916

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	75.154.216.043	447.515.443.570	8.464.249.179	8.511.650.774	539.645.559.566
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.085.000.000	-	-	1.085.000.000
Tăng trong kỳ	-	748.900.000	-	281.271.000	1.030.171.000
Thanh lý	-	(346.917.065)	-	-	(346.917.065)
Số dư cuối kỳ	75.154.216.043	449.002.426.505	8.464.249.179	8.792.921.774	541.413.813.501
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	47.516.620.738	389.888.821.954	8.038.948.874	7.804.676.172	453.249.067.738
Khấu hao trong kỳ	1.558.592.917	14.467.137.174	174.083.607	57.052.738	16.256.866.436
Thanh lý	-	(346.917.065)	-	-	(346.917.065)
Số dư cuối kỳ	49.075.213.655	404.009.042.063	8.213.032.481	7.861.728.910	469.159.017.109
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	27.637.595.305	57.626.621.616	425.300.305	706.974.602	86.396.491.828
Số dư cuối kỳ	26.079.002.388	44.993.384.442	251.216.698	931.192.864	72.254.796.392

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 138.992 triệu VND (1/1/2026: 134.756 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng (được trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nhà xưởng – phân xưởng chiết và nhà kho thành phẩm	14.462.945.511	15.166.556.247
Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái	9.653.971.942	9.965.120.578
Khác	48.137.878.939	61.264.815.003
	72.254.796.392	86.396.491.828

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.059.412.894
Khấu hao trong kỳ	80.236.866
Số dư cuối kỳ	2.139.649.760
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.952.430.476
Số dư cuối kỳ	1.872.193.610

Các bất động sản đầu tư cho thuê chủ yếu (được trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Căn hộ Carina Plaza	1.872.193.610	1.952.430.476

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	1.145.033.803	39.592.778
Tăng trong kỳ	17.888.198	3.869.909.322
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.085.000.000)	-
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	(77.922.001)	-
Số dư cuối kỳ	-	3.909.502.100

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Lắp đặt thiết bị bơm nhiệt	-	1.085.000.000
Khác	-	60.033.803
	-	1.145.033.803

17. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ và khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	9.295.463.407	429.821.454	3.145.844.222	12.871.129.083
Tăng trong kỳ	-	5.238.247.040	887.184.835	6.125.431.875
Phân bổ trong kỳ	(232.737.324)	(274.453.300)	(899.120.922)	(1.406.311.546)
Số dư cuối kỳ	9.062.726.083	5.393.615.194	3.133.908.135	17.590.249.412

18. Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	310.555.555	513.260.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Anh Châu	296.259.763	427.886.712
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	207.890.100	207.890.100
Công ty TNHH Vận tải Phước Khang	175.988.635	60.048.000
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	-	580.401.150
Các nhà cung cấp khác	648.501.962	1.263.979.062
	1.639.196.015	3.053.465.024

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	106.525.595	-
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	310.555.555	513.260.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	7.799.852	55.709.398

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

19. Phải trả cổ tức

	Thời gian thanh toán	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt (*)	Từ các năm trước	5.477.592.808	5.496.542.808
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt	2026	696.860.000	275.060.000
		6.174.452.808	5.771.602.808

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả cổ tức này phản ánh các khoản cổ tức chưa được nhận bởi một số cổ đông thiểu số.

20. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cấn trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	16.682.506.936	79.082.586.362	(81.101.020.050)	-	14.664.073.248
Thuế giá trị gia tăng	2.587.250.666	16.752.521.881	(13.302.133.002)	(3.663.097.459)	2.374.542.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.190.192.215	3.232.105.368	(3.391.453.911)	-	2.030.843.672
Thuế thu nhập cá nhân	30.223.638	643.784.727	(620.184.773)	-	53.823.592
Các loại thuế khác	-	4.953.291	(4.953.291)	-	-
	21.490.173.455	99.715.951.629	(98.419.745.027)	(3.663.097.459)	19.123.282.598

21. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền thuê đất và phí cơ sở hạ tầng	755.897.820	104.071.964
Chi phí sửa chữa và bảo trì	712.063.341	658.478.526
Chi phí môi trường và xử lý nước thải	484.914.158	328.306.648
Chi phí hội nghị và hội họp	328.000.000	585.000.000
Chi phí xây dựng	-	1.085.000.000
Khác	3.163.450.219	1.891.887.988
	5.444.325.538	4.652.745.126

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	6.750.200.226	6.473.197.361
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 24)	2.099.500.000	1.756.464.768
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	(694.929.536)	582.968.966
Sử dụng trong kỳ	(2.449.910.229)	(3.818.895.637)
Số dư cuối kỳ	5.704.860.461	4.993.735.458

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	3.087.708.751	3.183.743.645
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(102.437.220)	(96.034.894)
Số dư cuối kỳ	2.985.271.531	3.087.708.751

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	145.000.000.000	177.711.446.954	374.265.444.548	696.976.891.502
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	47.909.213.582	47.909.213.582
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(1.756.464.768)	(1.756.464.768)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (Thuyết minh 22)	-	-	(582.968.966)	(582.968.966)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(163.190.736)	(163.190.736)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	145.000.000.000	177.711.446.954	376.172.033.660	698.883.480.614
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	47.537.514.726	47.537.514.726
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.756.464.768)	(1.756.464.768)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(247.619.892)	(247.619.892)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	145.000.000.000	177.711.446.954	392.705.463.726	715.416.910.680
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	55.627.284.284	55.627.284.284
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(2.099.500.000)	(2.099.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (Thuyết minh 22)	-	-	694.929.536	694.929.536
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(276.722.859)	(276.722.859)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	145.000.000.000	177.711.446.954	403.151.454.687	725.862.901.641

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 3 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2025 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2024).

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập với mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng một năm	248.108.276	248.966.847
Từ hai đến năm năm	992.016.817	995.451.099
Sau năm năm	3.567.306.005	3.704.087.117
	4.807.431.098	4.948.505.063

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê đất	3	32 - 35 năm	4.807.431.098	4.948.505.063

(b) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2026 Số lượng	1/1/2026 Số lượng
Chai	Chai	1.657.296	2.759.561
Pallets	Cái	-	456

29. Doanh thu

Tổng doanh thu chủ yếu thể hiện tổng giá trị thành phẩm đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	86.091.532.432	86.522.673.818
▪ Cung cấp dịch vụ	624.637.169	383.018.881
▪ Doanh thu cho thuê	95.454.546	107.454.546
▪ Doanh thu khác	2.280.119.058	3.562.331.505
	89.091.743.205	90.575.478.750

30. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	75.995.625.968	82.641.134.921
Chi phí từ hoạt động cho thuê	80.236.866	83.445.852
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	435.784.125	(3.554.649)
Giá vốn khác	366.087.955	504.522.292
	76.877.734.914	83.225.548.416

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thu nhập từ lợi nhuận được chia và cổ tức	44.347.296.139	40.048.378.477
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	11.503.354.343	8.879.613.583
	55.850.650.482	48.927.992.060

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.712.080.812	3.624.668.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.230.141	585.019.591
Chi phí khấu hao	174.183.064	183.151.458
Chi phí quản lý khác	1.725.852.362	1.814.694.759
	6.231.346.379	6.207.534.636

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	36.627.412.506	44.221.404.651
Chi phí nhân công và nhân viên	15.634.850.571	14.919.746.149
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.569.840.626	17.857.643.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.268.750.357	6.120.271.048
Chi phí khác	8.330.635.235	6.614.312.435

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.249.537.907	1.752.250.423
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(17.432.539)	2.797.000
	3.232.105.368	1.755.047.423
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	283.296.462	326.761.351
	3.515.401.830	2.081.808.774

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	59.142.686.114	49.991.022.356
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.828.537.223	9.998.204.471
Thu nhập được miễn thuế	(8.869.459.228)	(8.009.675.695)
Chi phí không được khấu trừ thuế	97.725.399	90.482.998
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	476.030.975	-
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(17.432.539)	2.797.000
	3.515.401.830	2.081.808.774

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	163.904.077.320	162.371.508.020
Mua nguyên vật liệu	26.419.949.256	25.836.886.188
Cổ tức đã trả	37.551.150.000	37.551.150.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Lợi nhuận được phân phối từ công ty con	43.401.392.639	40.048.378.477

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	199.117.906	307.966.362
Mua bao bì luân chuyển	5.036.951.040	-
Thanh lý bao bì luân chuyển	574.950.000	798.000.000
Phí sử dụng bao bì	9.267.069	30.777.912
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ Khí Sa Be Co		
Mua tài sản cố định	1.833.900.000	225.000.000
Mua dịch vụ	411.798.148	130.000.000
Mua công cụ và dụng cụ	102.859.120	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Mua hàng hóa	1.270.041.474	-
Cung cấp dịch vụ	45.962.840	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Cung cấp dịch vụ	-	1.551.355
Mua hàng hóa	611.693.980	545.564.270
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Cung cấp dịch vụ	210.345.700	60.760.800
Cổ tức đã nhận	945.903.500	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cung cấp dịch vụ	133.760.823	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	95.340.000	77.280.000
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	70.448.700	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	69.936.364	69.027.778
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam		
Bán phế liệu	-	409.845.000

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	 30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Tan Teck Chuan Lester	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Nguyên Trung	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Đình Hùng	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	42.000.000	42.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Thùy	42.000.000	21.000.000
Bà Teoh Jia Ee	-	21.000.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao	90.000.000	90.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.514.874.930	1.254.767.910

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	 30/6/2025 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	154.732.680	-

37. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng những quy định theo Thông tư 99. Theo đó, một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	324.051.184.658	315.410.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	36.555.289.589	36.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	33.503.609.355	42.200.083.602
Phải trả cổ tức	313	5.771.602.808	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	3.681.201.895	9.452.804.703

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 (phân loại lại) VND	30/6/2025 (theo báo cáo trước đây) VND
Khấu hao và phân bổ	02	17.857.643.419	17.624.906.095
Biến động chi phí chờ phân bổ	12	329.129.677	561.867.001

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:		Người duyệt:
Dương Thị Thúy Hồng	Trương Thị Mỹ Hồng	Lê Đăng Khoa
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật*